

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 30/9/2021

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST - HNGĐ ngày 21/6/2021 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Bích D**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 2, khu C, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 2, khu C, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2010, tại Ủy ban nhân dân phường Phương Đông, thành phố Uông Bí. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi cọ, không hợp nhau. Gia đình đã hòa giải

cho anh chị nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn giữa anh và chị Bùi Thị Bích D anh xác nhận như chị D đã trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm xa nhà, không có điều kiện và thời gian chăm sóc vợ, con; anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị D xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị D.

*** Về con chung:** Chị Bùi Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là: Nguyễn Phương Dung, sinh ngày 11/11/2011 và Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 11/11/2015.

Quan điểm của chị D: Đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con

Quan điểm của anh T: Đồng ý với quan điểm của chị D.

*** Về tài sản chung:** Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị D và anh T; chị D có mặt còn anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành được.

Qua xác minh tại khu C, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, đại diện khu C cho biết: Chị D và anh T quá trình chung sống tại địa phương có mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, đã sống ly thân. Anh chị có 02 (hai) người con chung hiện nay do chị D chăm sóc; các con chung có sức khỏe tốt, sinh hoạt ổn định.

Tại Biên bản lấy ý kiến con chung Nguyễn Phương Dung thể hiện nguyện vọng của con chung muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Bích D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010; đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; vì vậy cuộc sống không hòa hợp, hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị D xác định không còn tình cảm với anh T; anh T có quan điểm đồng ý ly hôn với chị D; mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị cũng được đại diện địa phương nơi anh chị chung sống xác nhận. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Phương Dung, sinh ngày 11/11/2011 và Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 11/11/2015. Quan điểm của chị D đề nghị được quyền nuôi cả hai con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị D có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Quan điểm của anh T cũng đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị D, giao các con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị trình bày anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Bích D. Chị Bùi Thị Bích D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Bích D trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con chung là Nguyễn Phương Dung, sinh ngày 11/11/2011 và Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 11/11/2015, kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị Bích D.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị Bích D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0006612 ngày 17/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Bùi Thị Bích D và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án DS TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- UBND phường Phương Đông, TP Uông Bí;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Thanh